

Bản án số: **11/2020/HNGĐ-ST**  
Ngày: 13 -5 - 2020  
V/v "*Tranh chấp ly hôn  
và nuôi con chung*"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**  
**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Mai Tấn Đầu**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Văn Kiện**  
2. Ông **Nguyễn Văn Kiệt**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Lý Văn Toán** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang:**  
Không tham gia.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 114/2020/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 23 tháng 04 năm 2020 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Ánh Ng**, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp TB, xã GT, huyện CT, tỉnh KG.

\* *Bị đơn:* Anh **Trần Hoàng E**, sinh năm 1976 (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TB, xã GT, huyện CT, tỉnh KG.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 01 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Thị Ánh Ng trình bày:* Vào năm 2003, chị và anh Trần Hoàng E tự nguyện yêu thương nhau và chung sống với nhau, có làm lễ cưới sau đó đăng ký kết hôn tại UBND phường RS, thành phố RG. Thời gian đầu vợ chồng anh chị sống hạnh phúc và rất yêu thương nhau. Anh chị có 02 con chung tên Trần Hoàng K, sinh ngày 29

tháng 3 năm 2005 và Trần Thị Như Q, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2007. Nhưng thời gian gần đây thì giữa chúng tôi xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và chúng tôi đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng vẫn mâu thuẫn nhau. Đến nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện xin ly hôn.

*Tại phiên tòa chị Ng có ý kiến như sau:*

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Trần Hoàng E

- Về việc nuôi con chung: Có 02 người con chung Trần Hoàng K, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2005 và Trần Thị Như Q, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2007. Chị Nguyễn Thị Ánh Ng yêu cầu được nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh E cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với các ý kiến của bị đơn anh Trần Hoàng E có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Hoàng E có ý kiến trình bày: Về hôn nhân, về con, tài sản chung, nợ chung anh Hoàng E xác nhận đúng như lời chị Nguyễn Thị Ánh Ng trình bày. Tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn với chị Ng với lý do. Anh còn thương vợ, thương con*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh Ng thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh Ng yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Trần Hoàng E và yêu cầu được nuôi dưỡng con 02 người con chung Trần Hoàng K, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2005 và Trần Thị Như Q, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2007, không yêu cầu anh E cấp dưỡng. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”.

[3] - Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn anh Trần Hoàng E đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt xét xử hợp lệ, đúng theo quy định của pháp luật và anh E cũng có đơn xin xét xử vắng mặt của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh Ng thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Hoàng E theo

quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Hoàng E.

[4] - Về nội dung vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh Ng cho rằng vào năm 2003, chị và anh Trần Hoàng E tự nguyện yêu thương nhau và chung sống với nhau, có làm lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường RS, thành phố RG. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hòa thuận. Nhưng thời gian gần đây thì giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và anh chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng vẫn mâu thuẫn nhau. Anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Đến nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện xin ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn về hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ánh Ng và anh Trần Hoàng E đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, tại phiên tòa chị Ng cương quyết yêu cầu xin được ly hôn với anh E. Do đó việc xin ly hôn của chị Ng đối với anh E là hoàn toàn có căn cứ phù hợp tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ánh Ng đối với anh Trần Hoàng E.

[5] - Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của chị Nguyễn Thị Ánh Ng và anh Trần Hoàng E là anh E đồng ý giao con chung tên 02 con chung tên Trần Hoàng K, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2005 và Trần Thị Như Q, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2007 cho chị Ng tiếp tục trực tiếp chăm sóc giao dục nuôi dưỡng. Chị Ng không yêu cầu anh E phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh E có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

[6] - Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ánh Ng và anh Trần Hoàng E xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà không xem xét giải quyết.

[7] - Về nợ chung vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Ánh Ng và anh Trần Hoàng E xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Toà không xem xét giải quyết.

[8] - Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh Ng

phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng chị Ng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002160 ngày 06/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 56; Điều 57; Điều 80; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh Ng đối với bị đơn anh Trần Hoàng E.

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh Ng được ly hôn với bị đơn anh Trần Hoàng E.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của chị Nguyễn Thị Ánh Ng và anh Trần Hoàng E là anh E đồng ý giao con chung tên 02 con chung tên Trần Hoàng K, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2005 và Trần Thị Như Q, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2007 cho chị Ng tiếp tục trực tiếp chăm sóc giao dục nuôi dưỡng. Chị Ng không yêu cầu anh E phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh E có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ánh Ng và anh Trần Hoàng E xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Ánh Ng và anh Trần Hoàng E xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh Ng phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng chị Ng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002160 ngày 06/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu: hồ sơ, V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Tấn Đầu**